TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Lãm;
Bà Dương Xuân Thanh.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn T (tự D), sinh năm: 1976.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh;
Tạm trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
2. Bị đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Anh Nguyễn Tấn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị B là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 10 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình. Từ đó, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị B.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không còn yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn – Chị Bùi Thị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhưng chị B không tham gia phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt đối với chị B.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Đối với bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T, anh T được ly hôn với chị B. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: anh T phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị B tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 10 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã L. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh T và chị B chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân, do mâu thuẫn tình cảm, tiền bạc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân một thời gian dài. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc tranh chấp về ly hôn với chị B.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn T được ly hôn với chị Bùi Thị B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai số 0021789 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Anh T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Bùi Thị B không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Nguyễn Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN VĂN ĐOÀN

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN ĐOÀN